

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 34/TB-ĐYHD

V/v mời chào giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 11 năm 2024

THÔNG BÁO

**Về việc mời chào giá cung cấp Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc
cho các tòa nhà của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh**

Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh đang có nhu cầu mua Bảo hiểm cháy, nổ cho các tòa nhà của Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Chi tiết giá trị các tòa nhà cần mua bảo hiểm và yêu cầu bảo hiểm theo danh mục đính kèm thông báo này.

Kính mời Quý nhà cung cấp quan tâm, có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp Bảo hiểm cháy, nổ vui lòng chào giá.

- Hồ sơ báo giá bao gồm:

+ Bảng báo giá có ký tên của người đại diện theo pháp luật (ghi rõ chức vụ, họ và tên) và đóng dấu, ghi đầy đủ thời gian phát hành báo giá, thời hạn hiệu lực của bảng báo giá (tối thiểu 45 ngày).

+ Hồ sơ chứng minh ngành nghề kinh doanh nghiệp vụ bảo hiểm cháy, nổ theo quy định pháp luật.

- Giá chào đã bao gồm đầy đủ các loại thuế, phí và lệ phí (nếu có).

- Thời gian nhận báo giá: từ ngày ra thông báo đến hết ngày 23/11/2024

- Nơi nhận báo giá: Phòng Hành chính Tổng hợp – Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, 217 Hồng Bàng, phường 11, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Email: hanhchinh@ump.edu.vn.

ĐT: (028) 38558411

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, QTGT, KHTC_NQH



HIỆU TRƯỞNG

NGÔ QUỐC ĐẠT

PHỤ LỤC

(đính kèm Thông báo mời chào giá số...~~3418~~.../TB-ĐHYD ngày ~~13~~ / 11 / 2024)

GIÁ TRỊ CÁC TÒA NHÀ CẦN MUA BẢO HIỂM VÀ YÊU CẦU BẢO HIỂM

- Loại hình bảo hiểm: Bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc.
- Phạm vi bảo hiểm: Thực hiện theo quy định của pháp luật phòng cháy và chữa cháy, Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Chính Phủ quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng
- Danh mục tài sản tham gia bảo hiểm:

STT	Tài sản	Tổng diện tích sàn (m2)	Giá trị (VNĐ)	Thời gian bảo hiểm
I	Khu đất 217 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh			
1	Nhà G	561	604.758.000	01/01/2025 – 31/12/2025
2	Nhà H	745	803.110.000	01/01/2025 – 31/12/2025
3	Nhà D	690	781.457.000	01/01/2025 – 31/12/2025
4	Nhà E	1.183	1.202.069.000	01/01/2025 – 31/12/2025
5	Nhà A	6.040	6.260.103.000	01/01/2025 – 31/12/2025
6	Nhà B	6.040	6.260.103.000	01/01/2025 – 31/12/2025
7	Nhà C	1.791	1.988.617.000	01/01/2025 – 31/12/2025
8	Nhà bảo trì	52	45.797.000	01/01/2025 – 31/12/2025
9	Nhà máy phát điện	120	133.241.000	01/01/2025 – 31/12/2025
10	Nhà J	1.384	1.448.497.000	01/01/2025 – 31/12/2025
11	Nhà F	704	758.912.000	01/01/2025 – 31/12/2025
12	Nhà I	930	1.638.096.000	01/01/2025 – 31/12/2025
13	Tòa nhà 15 tầng	15.000	275.046.482.000	01/01/2025 – 31/12/2025
II	Khu đất 221B Hoàng Văn Thụ, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh			
1	Nhà số 1	700	980.000.000	01/01/2025 – 31/12/2025
2	Nhà số 2	537	751.800.000	01/01/2025 – 31/12/2025
3	Nhà số 3 (Nhà làm việc 5 tầng)	1.155	161.700.000	01/01/2025 – 31/12/2025
III	Khu đất 131 Nguyễn Chí Thanh, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh			
1	Khu A	543,40	588.632.143	01/01/2025 – 31/12/2025
2	Khu B	506,20	548.335.648	01/01/2025 – 31/12/2025

3	Khu C	167,96	181.940.844	01/01/2025 – 31/12/2025
4	Khu D	1.003,59	1.087.127.959	01/01/2025 – 31/12/2025
IV	Khu đất 41 Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh			
1	Nhà 3 tầng (nhà Đại giảng đường)	5.218	6.684.471.000	27/4/2025 – 31/12/2025
2	Nhà 5 tầng (nhà labo bộ môn các giảng đường khoa Dược)	4.750	9.594.846.000	27/4/2025 – 31/12/2025
3	Nhà 3 tầng (nhà IDC) (nhà đường Lê Duẩn)	2.074	2.235.772.000	27/4/2025 – 31/12/2025
4	Nhà hành chính	2.291	2.877.317.000	27/4/2025 – 31/12/2025
V	Khu đất 540 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh			
1	Nhà K	809	930.440.000	30/05/2025 – 31/12/2025
2	Nhà A	2.912	3.901.896.000	30/05/2025 – 31/12/2025
3	Nhà C	2.835	3.070.982.935	30/05/2025 – 31/12/2025
4	Nhà D	2.899	3.140.310.239	30/05/2025 – 31/12/2025
5	Nhà E	3.288	3.561.690.261	30/05/2025 – 31/12/2025
6	Nhà ăn, thư viện	1.154	1.250.057.957	30/05/2025 – 31/12/2025
VI	Khu đất 29/1-3-5-7 Bùi Thị Xuân, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh			
1	Nhà ở sinh viên	628	672.588.000	30/05/2025 – 31/12/2025
VII	Khu đất 197 Nguyễn Thái Học, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh			
1	Nhà ở	1.586,92	1.719.013.841	30/05/2025 – 31/12/2025
VIII	Khu đất 1025 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 7, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh			
1	Nhà A	261	282.725.413	01/01/2025 – 31/12/2025
2	Nhà B	264	285.975.130	01/01/2025 – 31/12/2025
3	Nhà C	138	149.487.000	01/01/2025 – 31/12/2025